TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 157/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 12-6-2025
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trung Thông
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Ngô Văn Bê
Bà Nguyễn Thị Phú

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Loan - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên toà: Ông Lương Thất Tùng - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 53/2025/TLST- HNGĐ ngày 03 tháng 3 năm 2025 về việc "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 65/2025/QĐST-HNGĐ ngày 11/4/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 86/2025/QĐST-HNGĐ ngày 12/5/2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Khổng Thị H, sinh ngày 05/01/1993 (vắng mặt)
Nơi thường trú: Thôn Đ, xã T, thành phố B, tỉnh B.
Căn cước công dân số: 02419300xxx.

2. Bị đơn: Anh Ngụy Phan A, sinh ngày 01/01/1990 (vắng mặt)
Nơi thường trú và địa chỉ cuối cùng của anh A ở Việt Nam: Thôn Đ, xã T, thành phố B, tỉnh B. (Hiện anh A đang lao động tại Đ, không rõ địa chỉ).
Căn cước công dân số: 024090008xxx.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:
Bà Phạm Thị B, sinh năm 1958 (vắng mặt)
Nơi cư trú: Thôn Đ, xã T, thành phố B, tỉnh B.
Căn cước công dân số: 02415800xxx

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn và bản tự khai, nguyên đơn chị Khổng Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Trước khi kết hôn chị và anh A được tự do tìm hiểu đi đến hôn nhân, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục của địa phương, có đăng ký kết hôn ngày 30/11/2016 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Y(nay là thành phố B), tỉnh B. Sau khi kết hôn chị về nhà anh A làm dâu và chung sống hòa thuận. Do điều kiện kinh tế khó khăn nên tháng 6/2019 anh A đi lao động tại Đ. Sang Đ vợ chồng vẫn hòa thuận nhưng từ tháng 12/2019 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn trầm trọng nên chị chuyển về sinh sống cùng bố mẹ đẻ tại tại phường C, thành phố B, kể từ đó vợ chồng không còn liên lạc với nhau, ai có cuộc sống của người đó. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống. Trong thời gian thuẫn vợ chồng nhiều lần nói chuyện với mong muốn tiếp tục chung sống để chăm sóc con nhưng do bất đồng quan điểm quá lớn nên không có kết quả. Khi hai bên gia đình biết chuyện có gọi điện khuyên bảo vợ chồng về đoàn tụ nhưng chị xác định không còn tình cảm nên không về đoàn tụ được. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn anh Ngụy Phan A.

Về con chung: Chị và anh A có 01 con chung là cháu Ngụy Phan D, sinh ngày 03/7/2017. Hiện nay cháu D đang sinh sống cùng anh A và bà B. Sau ly hôn chị đề nghị giao con chung cho anh A trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Nhưng tạm giao cho bà Phạm Thị B chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi anh A về nước sinh sống.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, do điều kiện công việc bận chị không thể đến làm việc với Tòa án được nên chị đề nghị được vắng mặt tại tất cả các buổi làm việc Tòa án triệu tập, vắng mặt tại tất cả các phiên tòa xét xử do Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang mở ra, vắng mặt tại tất cả các phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải.

Anh Ngụy Phan A là bị đơn không có mặt tại địa phương, không gửi văn bản giấy tờ, tài liệu về cho Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

Tại biên bản làm việc ngày 07/3/2025 và ngày 27/3/2025, bà Phạm Thị B là mẹ đẻ của anh Ngụy Phan A trình bày: Anh A là con trai, chị H là con dâu bà. Anh, chị được tự do tìm hiểu đi đến hôn nhân, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục của địa phương, có đăng ký kết hôn ngày 30/11/2016 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Y(nay là thành phố B), tỉnh B. Sau khi kết hôn chị H về nhà bà làm dâu và chung sống hòa thuận với gia đình chồng. Do điều kiện kinh tế khó khăn nên tháng 6/2019 anh A đi lao động tại Đ. Sau đó một thời gian thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn theo anh, chị nói là do bất đồng quan điểm sống. Đến khoảng cuối năm 2019 thì chị H chuyển về nhà bố mẹ đẻ sinh sống. Bà có khuyên bảo anh, chị về sống với nhau để chăm sóc con cái nhưng không được. Anh, chị có 01 con chung là cháu Ngụy

Phan D, sinh ngày 03/7/2017. Hiện nay cháu D đang sinh sống cùng bà. Tài sản, công nợ chung của anh, chị thì bà không rõ. Về việc chị H yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Ngụy Phan A và giao con chung là cháu Ngụy Phan D cho anh A chăm sóc, nuôi dưỡng, nhưng tạm giao cho bà chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi anh A về Việt Nam, bà đồng ý. Bà đề nghị chị H có nghĩa vụ cấp dưỡng 1.000.000 đồng/ 01 tháng (Một triệu đồng/01 tháng) để nuôi dưỡng cháu D từ khi giải quyết xong vụ án ly hôn cho đến khi cháu trưởng thành.

Ngoài ra, do điều kiện công việc bận bà không thể đến làm việc với Tòa án được nên bà đề nghị được vắng mặt tại tất cả các buổi làm việc Tòa án triệu tập, vắng mặt tại tất cả các phiên tòa xét xử do Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang mở ra, vắng mặt tại tất cả các phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 27/3/2025, chị Khổng Thị H trình bày: Chị H đã nhận được thông báo của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang và đồng ý với việc bà Phạm Thị B yêu cầu chị cấp dưỡng 1.000.000 đồng (Một triệu đồng)/01 tháng để nuôi dưỡng cháu Ngụy Phan D, kể từ thời điểm giải quyết xong vụ án đến khi cháu D trưởng thành.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 27/3/2025, cháu Ngụy Phan D trình bày: Cháu D hiện đang là học sinh lớp 2 trường Tiểu học T. Từ năm 2022 đến nay, cháu vẫn sống cùng bà nội là bà Phạm Thị B tại Thôn Đ, xã T, thành phố B, tỉnh B. Bố cháu mặc dù đang đi nước ngoài nhưng vẫn thường xuyên gọi điện về hỏi thăm sức khỏe tình hình học tập của cháu, và gửi tiền về lo cho cháu ăn học. Ở với bà nội cháu được chăm sóc đầy đủ cả về vật chất lẫn tinh thần, được cho ăn uống, được đi học đầy đủ. Nếu bố mẹ ly hôn cháu muốn được sống cùng bố và bà nội.

Tại phiên tòa sơ thẩm, chị Khổng Thị H, bà Phạm Thị B vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh Ngụy Phan A đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 02 nhưng vẫn vắng mặt.

Hội đồng xét xử tóm tắt nội dung vụ án, công bố đơn khởi kiện, bản tự khai của chị Khổng Thị H, biên bản lấy lời khai bà Phạm Thị B, cháu Ngụy Phan D và thông qua các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang phát biểu về việc tuân theo pháp luật về tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án.

Về việc chấp hành pháp luật của đương sự: Nguyên đơn chị Khổng Thị H, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Phạm Thị B có đơn xin xét xử vắng mặt, thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình được quy định trong Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn anh Ngụy Phan A không có địa chỉ cụ thể ở nước ngoài, Tòa án đã niêm yết đầy đủ các văn bản tố tụng đối với bị đơn. Căn cứ các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt bị đơn là đúng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 104, khoản 2 Điều 123, Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273, khoản 2 Điều 479 Bộ Luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án; xử:

Về hôn nhân: Cho chị Khổng Thị H được ly hôn anh Ngụy Phan A.

Về nuôi con chung: Giao cháu Ngụy Phan D, sinh ngày 03/7/2017 cho anh Ngụy Phan A nuôi dưỡng đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật nhưng tạm giao cho bà Phạm Thị B nuôi dưỡng trong thời gian anh A ở nước ngoài.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh Ngụy Phan A với mức cấp dưỡng 1.000.000 đồng (*Một triệu đồng*)/ 01 tháng và thời gian cấp dưỡng từ tháng 7/2025 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về án phí: Chị Khổng Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên toà, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Chị Khổng Thị H khởi kiện xin ly hôn anh Ngụy Phan A và đề nghị giải quyết nuôi con chung. Vì vậy, đây là vụ án "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về thẩm quyền giải quyết: Theo Công văn trả lời số 790/QLXNC-P3 ngày 21/3/2025 của Cục Quản lý xuất nhập cảnh - Bộ công an cung cấp, anh A xuất cảnh ngày 08/11/2024, hiện chưa có thông tin nhập cảnh về nước. Vì vậy, Hội đồng xét xử xác định anh A hiện nay đang lao động tại nước ngoài. Mặt khác, anh A là bị đơn hiện có hộ khẩu thường trú tại tỉnh Bắc Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang theo quy định tại khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3].Về việc vắng mặt của đương sự:

Đối với nguyên đơn chị Khổng Thị H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị B xin xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị Khổng Thị H, bà Phạm Thị B.

Đối với bị đơn anh Ngụy Phan A: Căn cứ theo lời khai của nguyên đơn, bà B (là mẹ đẻ anh A), Hội đồng xét xử xác định nơi cư trú cuối cùng của anh A trước khi xuất cảnh ở Thôn Đ, xã T, thành phố B, tỉnh B. Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang đã tiến hành giao thông báo thụ lý vụ án cho anh A thông qua người

thân của anh A là bà Phạm Thị B và đề nghị bà B thông báo cho anh A biết việc Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang đang thụ lý, giải quyết vụ án "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" giữa nguyên đơn là chị Khổng Thị H và bị đơn là anh Ngụy Phan A. Bà B cho biết anh A vẫn thường xuyên liên lạc về gia đình, nhưng anh A không cung cấp cho gia đình, Tòa án địa chỉ cụ thể của anh A tại nước ngoài. Do đó, Hội đồng xét xử xác định đây là trường hợp bị đơn cố tình giấu địa chỉ, từ chối khai báo, từ chối cung cấp những tài liệu cần thiết. Vì vậy, Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng cần tống đạt cho bị đơn và xử vắng mặt bị đơn theo Điều 10 Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao và khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Khổng Thị H và anh Ngụy Phan A kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 30/11/2016 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Y(nay là thành phố B), tỉnh B. Đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Quá trình chung sống đến năm 2019 vợ chồng chị H, anh A phát sinh mâu thuẫn, chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án xử cho chị được ly hôn anh Ngụy Phan A.

Xét yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Khổng Thị H đối với anh Ngụy Phan A. Hội đồng xét xử thấy: Sau khi kết hôn chị H và anh A chung sống với nhau hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn không thể hàn gắn được. Từ tháng 12 năm 2019 đến nay, chị H, anh A không còn quan tâm, không còn liên lạc với nhau nữa. Do đó, Hội đồng xét xử xác định vợ chồng chị H, anh A không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Nên Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại Điều 51, Điều 53, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H đối với anh A, xử cho chị Khổng Thị H được ly hôn anh Ngụy Phan A như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ.

[5]. Về nuôi con chung: Chị H và anh A có 01 con chung là cháu Ngụy Phan D, sinh ngày 03/7/2017. Sau khi ly hôn chị H có nguyện vọng giao cho anh Ngụy Phan A nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu D và đề nghị tạm giao cháu D cho bà Phạm Thị B (là mẹ đẻ anh A) chăm sóc, nuôi dưỡng trong thời gian anh A ở nước ngoài.

Xét yêu cầu nuôi con chung của chị H, Hội đồng xét xử thấy: Anh A đang sinh sống và làm việc tại nước ngoài, không thể trực tiếp nuôi dưỡng con chung nhưng vẫn thường xuyên gửi tiền về để chăm lo cho sức khỏe cũng như việc học hành của cháu D. Ngoài ra, từ khi anh A đi lao động ở nước ngoài, cháu D vẫn được bà B chăm sóc, nuôi dưỡng, cháu phát triển bình thường cả về thể chất lẫn tinh thần. Bà B nhất trí đề nghị giao cháu D cho anh A chăm sóc, nuôi dưỡng, nhưng tạm giao D cho bà nuôi dưỡng trong thời gian anh A ở nước ngoài. Cháu

D trên 07 tuổi cũng có nguyện vọng được sống cùng với anh A và bà B nếu bố, mẹ ly hôn. Vì vậy, căn cứ vào điều kiện thực tế và để đảm bảo quyền, lợi ích mọi mặt của cháu D cũng như nguyện vọng của các con chung. Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại Điều 81, Điều 104 Luật hôn nhân và gia đình. Chấp nhận đề nghị của chị H, giao cho anh Ngụy Phan A nuôi dưỡng cháu Ngụy Phan D, sinh ngày 03/7/2017 đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi theo quy định pháp luật sau khi ly hôn. Do hiện nay anh A đang ở nước ngoài nên tạm giao cháu D cho bà Phạm Thị B nuôi dưỡng cho đến khi anh Ngụy Phan A về Việt Nam sinh sống là phù hợp điều kiện thực tế cũng như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

Sau khi ly hôn chị Khổng Thị H không trực tiếp nuôi con chung có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở anh A thực hiện quyền này theo quy định tại Điều 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Trường hợp chị Khổng Thị H có nguyện vọng nuôi con chung hoặc vì quyền lợi chính đáng của con chung, các đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn bằng vụ án khác theo quy định tại Điều 84 Luật hôn nhân gia đình.

[6].Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Phạm Thị B yêu cầu chị Khổng Thị H cấp dưỡng 1.000.000 đồng (Một triệu đồng)/01 tháng để nuôi dưỡng cháu Ngụy Phan D kể từ thời điểm giải quyết xong vụ án cho đến khi con chung trưởng thành.

Hội đồng xét xử xét thấy: Nghĩa vụ cấp dưỡng được thực hiện giữa cha mẹ và con. Mặc dù anh A không có lời khai trình bày về yêu cầu cấp dưỡng. Nhưng xét thấy bà Phạm Thị B là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu D trong thời gian anh A ở nước ngoài có yêu cầu chị H cấp dưỡng, và chị H đồng ý với yêu cầu cấp dưỡng 1.000.000 đồng (Một triệu đồng)/01 tháng để nuôi dưỡng cháu Ngụy Phan D cùng với anh A kể từ thời điểm giải quyết xong vụ án cho đến khi con chung trưởng thành. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 107, 110,116 Luật Hôn nhân và gia đình. Chấp nhận mức đề nghị cấp dưỡng nuôi con chung của bà Phạm Thị B. Buộc chị H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu D 1.000.000 đồng (Một triệu đồng)/ 01 tháng là có căn cứ và phù hợp điều kiện hoàn cảnh cũng như đề nghị của Viện kiểm sát tại phiên tòa.

[7]. Về lãi suất chậm thi hành án: Do các đương sự vắng mặt nên không thỏa thuận được, Hội đồng xét xử quyết định theo quy định của tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự.

[8].Về tài sản, công nợ chung: Do chị H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[9].Về án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con chung: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản

lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án. Chị Khổng Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con chung. Nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang. Chị H phải nộp tiếp 300.000 đồng án phí cấp dưỡng.

[10]. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn chị Khổng Thị H, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị B đang ở trong nước vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được Bản án hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết theo quy định tại Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn anh Ngụy Phan A đang ở nước ngoài vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn là 01 tháng kể từ ngày Bản án được tống đạt hợp lệ hoặc Bản án được niêm yết theo quy định tại Điều 271, Điều 273 và khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 104, Điều 107, Điều 110, Điều 116, Điều 117, khoản 2 Điều 123, Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273, khoản 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án; xử:

1. Về hôn nhân: Chị Khổng Thị H được ly hôn anh Ngụy Phan A.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Ngụy Phan D, sinh ngày 03/7/2017 cho anh Ngụy Phan A nuôi dưỡng đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Nhưng tạm giao cháu Ngụy Phan D cho bà Phạm Thị B nuôi dưỡng cho đến khi anh Ngụy Phan A về nước sinh sống hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật sau khi ly hôn. Sau khi ly hôn chị Khổng Thị H không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở chị H thực hiện quyền này.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Buộc chị Khổng Thị H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Ngụy Phan D, sinh ngày 03/7/2017 cùng anh Ngụy Phan A với mức cấp dưỡng 1.000.000 (*Một triệu đồng*)/01 tháng. Phương thức cấp dưỡng theo định kỳ hàng tháng, thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 7/2025 cho đến khi cháu Ngụy Phan D đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

4. Về lãi suất chậm thi hành án: Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người

được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

5. Về án phí: Chị Khổng Thị H phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0000414 ngày 03/3/2025 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang. Xác nhận chị Khổng Thị H đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Chị Khổng Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

6. Về quyền kháng cáo bản án:

Chị Khổng Thị H, bà Phạm Thị B có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được tống đạt Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Anh Ngụy Phan A có quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày nhận được tống đạt Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
-VKSND tỉnh Bắc Giang;
-Cục THADS tỉnh Bắc Giang;
-UBND xã Tư Mại, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang;
-Cổng thông tin điện tử TAND;
-Các đương sự;
-Lưu hồ sơ vụ án;
-Lưu Tổ HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Trung Thông